

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 10  
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 893/2025/DS-ST

Ngày: 30-9-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ H

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Phước Trường.

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Nguyễn Thanh Bình;
2. Bà Nguyễn Thị Sơn Trang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Thành - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố H.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố H:** Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1064/2024/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 366/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 369/2025/QĐST-DS giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1956

Địa chỉ: 136/17 đường 824, xã Đức H, tỉnh T (có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Phạm Thị Đ, sinh năm: 1960

Địa chỉ: C4/124 ấp 3, xã Bình L, Thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Tại đơn khởi kiện ngày 19/9/2024, đơn sửa đổi bổ sung đơn kiện ngày 25/11/2024, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày:***

Bà Phạm Thị Đ chuyển nhượng đất tại Ấp 3, xã Bình L, huyện BC cho bà Nguyễn Thị B nhưng sau đó bà Đ không giao đất cho bà B nên bà Nguyễn Thị B đã khởi kiện bà Đ tại Tòa án nhân dân huyện BC. Ngày 30/11/2019 bà và bà Phạm Thị Đ có ký hợp đồng thực hiện công việc pháp lý. Theo hợp đồng thì bà đại diện cho bà Đ tham gia vụ kiện tại Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố H về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mà bà Phạm Thị Đ là bị đơn với nguyên đơn là bà . Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì tổng thù lao ủy quyền để thực hiện công việc tại Tòa án nhân dân các cấp bà Đ phải trả cho bà là 20.000.000 đồng, ngay sau khi ký hợp đồng thì bà Đ phải tạm ứng cho bà 10.000.000 đồng và 10.000.000 đồng còn lại bà Đ sẽ phải thanh toán hết 01 lần cho bà ngay khi xong việc tại Tòa án cấp sơ thẩm (Tòa án nhân dân huyện BC). Tuy nhiên, ngay sau khi ký hợp đồng thì bên bà Đ vẫn chưa đưa cho bà số tiền tạm ứng là 10.000.000 đồng và bà Đ hẹn khi nào Tòa án huyện BC xử xong thì bà Đ sẽ thanh toán hết một lần. Mọi chi phí trong 03 năm đại diện bà đều cho bà Đ mượn. Khi có bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện BC do bà đi Hoa Kỳ dự đại hội nên bà có hướng dẫn cho bà Đ gặp luật sư Trí để gửi đơn phúc thẩm tại Tòa án nhân dân Thành phố H.

Khi xong việc bà có yêu cầu bà Đ phải thanh toán cho bà số tiền dịch vụ 20.000.000 đồng, bà Đ hứa sẽ trả cho bà 10.000.000 đồng vào tết Nguyên đán và đến tháng 3/2024 sẽ trả số tiền 10.000.000 đồng còn lại. Tuy nhiên, đến nay bà Đ vẫn không trả tiền cho bà mặc dù bà đã rất nhiều lần yêu cầu bà Đ phải trả tiền cho bà. Ngày 21/7/2024 bà có nộp đơn đến Ủy ban nhân dân xã Bình L để yêu cầu giải quyết nhưng bà Đ không đến. Bà xác định kết quả xét xử sơ thẩm vụ án do bà làm đại diện đã được xét xử xong. Tuy nhiên, thời gian tòa xét xử thì bà không tham gia và không nhận được kết quả xét xử. Toàn bộ hồ sơ bà cũng đã giao lại cho bà Đ nên bà không có gì để nộp cho Tòa án.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Đ phải trả cho bà thù lao mà bà đã đại diện cho bà Đ để giải quyết vụ kiện giữa bà B và bà Đ tại Tòa án nhân dân huyện BC với số tiền là 20.000.000 đồng, trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

***- Tại bản tự khai ngày 10/9/2025 Bị đơn bà Phạm Thị Đ trình bày:***

Bà xác nhận bà còn nợ bà T số tiền là 20.000.000 đồng, khi nào nhà nước đền bù tiền quy hoạch hoặc khi nào bà có tiền thì bà sẽ trả cho bà T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố H phát biểu:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng. Việc xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành thủ tục hòa giải đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 97, Điều 205, 208, 209, 210 và Điều 211 BLTTDS năm 2015. Về việc thụ lý vụ án: Trình tự thụ lý, giao thông báo thụ lý đúng theo quy định tại Điều 195, Điều 196 và Điều 197 BLTTDS năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phạm Thị Đ phải thanh toán cho bà T tiền dịch vụ là 20.000.000 đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí bị đơn chịu theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Bạch T khởi kiện yêu cầu bà Đ phải trả tiền theo hợp đồng thực hiện công việc pháp lý ngày 30/11/2019. Đây là tranh chấp hợp đồng dịch vụ và bị đơn hiện đang cư trú tại xã Bình L, Thành phố H nên Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố H thụ lý và giải quyết theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 được sửa đổi bổ sung tại khoản 2 Điều 1 luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn bà Phạm Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Căn cứ vào lời trình bày và chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thì vào ngày 30/11/2019 bà Phạm Thị Đ và bà Nguyễn Thị Bạch T có ký hợp đồng

thực hiện công việc pháp lý về việc ủy quyền thực hiện công việc dân sự. Theo nội dung hợp đồng thì bà T sẽ đại diện cho bà Đ để tham gia giải quyết vụ án “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị B và bị đơn là bà Phạm Thị Đ. Hai bên thỏa thuận khoản tiền thù lao dịch vụ bà Đ phải trả cho bà T là 20.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày bà còn làm đại diện cho bà Đ trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Duy K, bà Đào Kim L và bị đơn là bà Phạm Thị Đ.

Trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2023 bà làm người đại diện ủy quyền cho bà Đ để giải quyết vụ án tranh chấp giữa bà Bí và bà Đ thì bà đã phải tạm ứng rất nhiều chi phí cho việc giải quyết tranh chấp. Đồng thời bà cũng đã tham gia giải quyết cả 02 vụ án tại Tòa án nhân dân huyện BC.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà T đã thực hiện các công việc bà Đ ủy quyền như: thông qua hợp đồng ủy quyền ngày 20/9/2019 và bản án dân sự sơ thẩm số: 168/2023/DS-ST ngày 25/4/2023 và bản án dân sự sơ thẩm số 173/2023/DS-ST ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố H đều có thể hiện người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Đ là bà Nguyễn Thị Bạch T. Trong quá trình làm đại diện cho bà Đ để giải quyết các tranh chấp trên bà T cũng đã thực hiện các công việc như bổ túc chứng cứ theo hồ sơ, làm đơn xin thay đổi Thẩm phán, tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án từ năm 2016 đến năm 2023. Mặc dù tại phiên tòa xét xử ngày 25/4/2023 và 26/4/2023 thì bà T có vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, việc vắng mặt của bà T tại phiên tòa sơ thẩm không phải là cơ sở để cho rằng bà T không hoàn thành công việc được ủy quyền.

Bị đơn bà Phạm Thị Đ cũng có lời khai thừa nhận bà Đ chưa thanh toán tiền dịch vụ cho bà T số tiền 20.000.000 đồng, khi nào bà có tiền thì bà sẽ trả.

Như vậy, bà T đã hoàn thành công việc ủy quyền nhưng bà Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán phí dịch vụ với số tiền là 20.000.000 đồng là bà Đ đã vi phạm nội dung thỏa thuận theo quy định tại Điều 515, 519 của Bộ luật Dân sự. Do vậy, nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu bà Đ phải thanh toán số tiền 20.000.000 đồng là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Đ phải nộp án phí là: 1.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2015/QH15 của nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 25/6/2015; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 513, 514, 515, 519 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T.

1. Buộc bà Phạm Thị Đ phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Bạch T số tiền thù lao ủy quyền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) phát sinh từ hợp đồng thực hiện công việc pháp lý ngày 30/11/2019 được ký kết giữa bà Phạm Thị Đ và bà Nguyễn Thị Bạch T.

Thời gian thanh toán: Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Đ phải nộp án phí là: 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Bạch T đã được xét miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên không đề cập giải quyết.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi Nhận:**

- TAND.TP H;
- VKSND KV10;
- PTHADS KV10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.



**Lại Phước Trường**